



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
PHÒNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Địa chỉ: 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk
Website: www.dakwaco.com.vn; Tel: (0262) - 3811014
Email: phanhuuduc1969@gmail.com



Số: 0910.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **Nước sạch tại trạm xử lý EaNa, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột.**
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A10.10.23 - Mã số mẫu: B0910.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm : 15/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,22	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,86	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Định



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
PHÒNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Địa chỉ: 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk
Website: www.dakwaco.com.vn; Tel: (0262) - 3811014
Email: phanhuuduc1969@gmail.com



Số: 2110.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại trạm bơm Cupul, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A21.10.23 - Mã số mẫu: B2110.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,51	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,57	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

HỌ TÊN TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phòng Định



Số: 1710.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: **Nước sạch tại trạm bơm Hòa Thắng, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột**
- Số ký hiệu lấy mẫu: A17.10.23 - Mã số mẫu: B1710.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,42	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,79	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*) : Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**) : Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 4510.23/P.KCS

Ngày: 17/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **Nước sạch tại trạm bơm Đạt Lý, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột**
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A45.10.23 - Mã số mẫu: B4510.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 13/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 13/10/2023 đến 16/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 17/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,16	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,59	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 1610.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 193/3 Lý Thái Tổ, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A16.10.23 - Mã số mẫu: B1610.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 15/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,86	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,39	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bình Định



Số: 1510.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 71 Nguyễn Văn Cừ, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A15.10.23 - Mã số mẫu: B1510.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 15/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,95	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,45	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 1410.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại bể chứa DAKWACO, Công Ty TNHH cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A14.10.23 - Mã số mẫu: B1410.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 15/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,01	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,86	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Định



Số: 1310.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **Nước sạch tại 35 Nguyễn Công Trứ, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột**
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A13.10.23 - Mã số mẫu: B1310.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm : 15/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,98	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,38	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 1210.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 52 Lê Duẩn, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
- Số ký hiệu lấy mẫu: A12.10.23 - Mã số mẫu: B1210.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 15/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,94	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,36	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0

- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.
- (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”.
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 1110.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại 157 Võ Văn Kiệt, Chi nhánh Cấp nước Buôn Ma Thuột
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A11.10.23 - Mã số mẫu: B1110.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 15/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,83	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị (NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,22	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Định



Số: 3810.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại Tổ Dân Phố 3, Pong Drang, Chi nhánh Cấp nước Buôn Hồ
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A38.10.23 - Mã số mẫu: B3810.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,77	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,28	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 3710.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 23 Lương Thế Vinh, Chi nhánh Cấp nước Buôn Hồ
- Số ký hiệu lấy mẫu: A37.10.23 - Mã số mẫu: B3710.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,93	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,32	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0

- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.
- (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 3610.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **Nước sạch tại trạm xử lý nước, Chi nhánh Cấp nước Buôn Hồ**
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A36.10.23 - Mã số mẫu: B3610.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,86	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,57	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 3510.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 18 Hùng Vương, Chi nhánh Cấp nước Krông Năng
- Số ký hiệu lấy mẫu: A35.10.23 - Mã số mẫu: B3510.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,06	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,29	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0

- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.
- (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 3410.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 60 Hùng Vương, Chi nhánh Cấp nước Krông Năng
- Số ký hiệu lấy mẫu: A34.10.23 - Mã số mẫu: B3410.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	8,37	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,38	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỌ TÊN TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 3210.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại trạm xử lý nước, Chi nhánh Cấp nước Krông Năng
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A32.10.23 - Mã số mẫu: B3210.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,10	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,90	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0

- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.
- (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”.
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 2710.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại Thôn 2 xã Hòa An, Chi nhánh Cấp nước Krông Pắc
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A27.10.23 - Mã số mẫu: B2710.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,11	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,36	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI TƯỚNG TÀI CHÍNH



Số: 2610.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại 26 Trần Hưng Đạo, Chi nhánh Cấp nước Krông Pắc
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A26.10.23 - Mã số mẫu: B2610.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,02	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,33	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 2410.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **Nước sạch tại trạm xử lý nước, Chi nhánh Cấp nước Krông Pắc**
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A24.10.23 - Mã số mẫu: B2410.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,88	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,58	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0

- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.
- (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC

DAKWACO-QT.11/BM09



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHI TÔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hùng Định

Trang 24/46

BH: 20/02/2020



Số: 2810.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: **Nước sạch tại trạm xử lý nước, Chi nhánh Cấp nước Ea Kar**
- Số ký hiệu lấy mẫu: A28.10.23 - Mã số mẫu: B2810.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 16/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,17	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,90	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHO TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Định



Số: 3110.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **Nước sạch tại 06 Trần Hưng Đạo, Chi nhánh Cấp nước Ea Kar**
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A31.10.23 - Mã số mẫu: B3110.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm : 16/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,74	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,78	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0

- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.
- (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”.
- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 3010.23/P.KCS

Ngày: 16/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **Nước sạch tại hẻm 11 Lý Thường Kiệt, Chi nhánh Cấp nước Ea Kar**
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A30.10.23 - Mã số mẫu: B3010.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 12/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 12/10/2023 đến 15/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm : 16/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,55	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,80	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 4310.23/P.KCS

Ngày: 17/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại 70 TDP Toàn Thắng, Chi nhánh Cấp nước CưMgar
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A43.10.23 - Mã số mẫu: B4310.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 13/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 13/10/2023 đến 16/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm : 17/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,00	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,31	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 4210.23/P.KCS

Ngày: 17/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại trạm y tế tỉnh lộ 8 xã Quảng Tiến, Chi nhánh Cấp nước CưMgar
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A42.10.23 - Mã số mẫu: B4210.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 13/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 13/10/2023 đến 16/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm: 17/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,94	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,35	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định): Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 4110.23/P.KCS

Ngày: 17/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại 03 Y Ngông, Chi nhánh Cấp nước CưMgar
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A41.10.23 - Mã số mẫu: B4110.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 13/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 13/10/2023 đến 16/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm : 17/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,72	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,76	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Định



Số: 0810.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại 107 thôn Ea Duất, Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn
- Số ký hiệu lấy mẫu: A08.10.23 - Mã số mẫu: B0810.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm : 15/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,96	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,52	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Bình



Số: 0710.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: **Nước sạch tại thôn Ea Duất, Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn**
- Số ký hiệu lấy mẫu: A07.10.23 - Mã số mẫu: B0710.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm : 15/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,94	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,58	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỒNG DỊNH



Số: 0510.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: Nước sạch tại bể chứa trạm xử lý, Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn
- Số ký hiệu lấy mẫu: A05.10.23 - Mã số mẫu: B0510.23
- Số lượng: 01
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
- Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
- Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
- Ngày trả kết quả thử nghiệm: 15/10/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,08	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,55	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Số: 0410.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **Nước sạch tại 11 Hùng Vương, Chi nhánh Cấp nước Easoup**
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A04.10.23 - Mã số mẫu: B0410.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm : 15/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,90	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,38	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU ĐÌNH



Số: 0310.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước sạch tại 33 Phạm Ngọc Thạch, Chi nhánh Cấp nước Easoup
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A03.10.23 - Mã số mẫu: B0310.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.
5. Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm : 15/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,80	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,48	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0
- (*) : Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty. - (**) : Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”. - Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : Phù hợp ☒ Không phù hợp ☐					

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC

HỌ TÊN TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kim Dĩnh



Số: 0110.23/P.KCS

Ngày: 15/10/2023

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **Nước sạch tại bể chứa trạm xử lý, Chi nhánh Cấp nước Easoup**
2. Số ký hiệu lấy mẫu: A01.10.23 - Mã số mẫu: B0110.23
3. Số lượng: 01
4. Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa 1L. Có dấu niêm phong.**
5. Ngày lấy mẫu: 11/10/2023.
6. Thời gian thử nghiệm: 11/10/2023 đến 14/10/2023.
7. Ngày trả kết quả thử nghiệm : 15/10/2023
8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định(**)
1	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	7,96	Trong khoảng 6,0 ÷ 8,5
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	< 0,3	≤ 2
3	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	< 3	≤ 15
4	Mùi, vị ^(NA)	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Hàm lượng Clo tự do(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,63	Trong khoảng 0,2 ÷ 1,0

- (*): Phép thử được VACI công nhận. Thử nghiệm tại phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty.
- (**): Chương II: Quy định về kỹ thuật – QCVN01-1:2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”.

- Thông báo kết quả (Tham chiếu mức quy định) : ☒ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày ra phiếu thử nghiệm
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Công ty
- (NA): Phép thử chưa được VACI công nhận

TRƯỞNG PHÒNG KCS

PHAN HỮU ĐỨC



PHÒNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
Nguyễn Hoàng Đình